

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2025/DS-ST
Ngày 28 tháng 11 năm 2025
“V/v: Tranh chấp yêu cầu chia
di sản thừa kế”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Duẩn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Thông

Bà Vũ Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Việt Anh - Thư ký Toà án nhân dân
Khu vực 10-Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Phú Thọ tham gia
phiên toà:** Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 – Phú
Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2025/TLST- DS ngày 08
tháng 01 năm 2025, về việc: “Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế” Theo
quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 7 năm
2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn T, xã V, tỉnh Phú
Thọ (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Chị Đường Thị N, sinh năm 2000;
địa chỉ: Thôn C, xã B, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

Bị đơn: Anh Lê Văn U, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn T, xã V, tỉnh Phú
Thọ. Chỗ ở hiện tại: Khu 8, xã S, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị L, sinh năm 1957; địa chỉ: KHC 14, tổ dân phố T, phường V,
tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

2. Bà Lê Thị X, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn T, xã V, tỉnh Phú Thọ (Vắng
mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.).

3. Bà Lê Thị M, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn P, xã G, tỉnh Lào Cai (Vắng
mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.)

4. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu 8, xã S, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

5. Chị Lê Thị K, sinh năm 2008; địa chỉ: Khu 8, xã S, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của chị K là: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu 8, xã S, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

6. Anh Lê Văn H, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn T, xã V, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 12 năm 2024, Đơn trình bày bổ sung đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị T là chị Đường Thị N trình bày:

Mẹ đẻ của bà Lê Thị T là bà Phùng Thị S, đã chết năm 2008. Bố mẹ của bà S chết trước bà S từ lâu và không có thông tin cụ thể. Lúc còn sống, bà S không kết hôn với ai nhưng sinh được 05 người con là: Bà Lê Thị L, bà Lê Thị X, bà Lê Thị T, bà Lê Thị M, ông Lê Văn P (đã chết năm 2016), ông P có vợ là bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1975 và có 03 người con là anh Lê Văn U, sinh năm 1997; chị Lê Thị L (đã chết năm 2020 chị L không có chồng, con); chị Lê Thị K, sinh năm 2008. Di sản của bà S để lại là thửa đất thổ cư số 93^a, diện tích 89m² thuộc, tờ bản đồ số 23, địa chỉ tại xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguồn gốc đất là do bà S mua từ năm 1995. Bà S được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: X 490261 ngày 26/2/2004 mang tên Hộ bà Phùng Thị S. Mặc dù cấp bìa hộ nhưng anh chị em bà T đều không có bất kì đóng góp công sức gì đối với thửa đất do bà S mua. Do đó, quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản riêng của bà S. Về quá trình sử dụng đất, năm 1995, sau khi mua đất, bà S xây dựng nhà ba gian để sử dụng đến khi bà S chết. Anh chị em bà T lớn lên trên đất này, sau đó lần lượt lập gia đình. Sau năm 2008, bà S chết, có bà T, anh Lê Văn H, mẹ con bà Nguyễn Thị V tiếp tục sinh sống trên đất. Đến năm 2016, ông P chết, sau đó bà V đi lấy chồng khác, các con của ông P và bà V cũng không còn sinh sống trên đất, chuyển đi nơi khác sinh sống. Đến năm 2023, bà T đã xây dựng lại ngôi nhà cấp 4 và từ trước đến nay chỉ có bà T cùng con trai là anh Lê Văn H sinh sống quản lý trực tiếp trên thửa đất.

Theo quy định pháp luật, do bà S chết không để lại di chúc, di sản thừa kế của bà S để lại là toàn bộ quyền sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 490261 ngày 26/2/2004 đối với diện tích 89m² thuộc thửa đất số 93^a, tờ bản đồ số 23, địa chỉ tại xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Di sản thừa kế của bà S để lại sẽ được phân chia thừa kế theo pháp luật. Những người trong hàng thừa kế thứ nhất của bà Phùng Thị S là bà Lê Thị L, bà Lê Thị X, bà Lê Thị M, ông Lê Văn P và bà Lê Thị T. Tuy nhiên, năm 2016 ông Lê Văn P chết. Ông Lê Văn P có vợ là bà Nguyễn Thị V, sau đó bà V kết hôn với người khác. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông P là bà Nguyễn Thị V, anh Lê Văn U và chị Lê Thị K, được hưởng phần di sản mà ông P được hưởng thừa kế từ bà S. Những người được hưởng di sản thừa kế của bà Phùng Thị S gồm: Bà Lê Thị L, bà Lê Thị X, bà Lê Thị M, bà Lê Thị T, bà Nguyễn Thị V, anh Lê Văn U và chị Lê Thị K (*bà Nguyễn Thị V, anh Lê Văn U và chị Lê Thị K là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lê Văn P*). Anh chị em của bà T đã thỏa thuận, thống nhất đồng ý để toàn bộ di sản thừa kế của bà Phùng Thị S cho bà Lê Thị T cùng con trai là anh Lê Văn H do mẹ con bà T đã sinh sống trên thửa đất từ trước đến nay, tuy nhiên, hiện tại có anh Lê Văn U, chị Lê Thị K, bà Nguyễn Thị V không đồng ý. Do vậy bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của bà Phùng Thị S để lại là quyền sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: X 490261 ngày 26/2/2004 đối với diện tích 89m² đo đạc thực tế là 93,6 m² thuộc thửa đất số 93^a, tờ bản đồ số 23, địa chỉ Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc nay là thôn T, xã V theo quy định pháp luật. Đối với kỹ phần di sản thừa kế của bà T, bà T xin được hưởng toàn bộ di sản thừa kế của bà Phùng Thị S để lại là quyền sử dụng đất và thanh toán cho các đồng thừa kế bằng tiền.

Bị đơn anh Lê Văn U trình bày:

Hiện tại do mâu thuẫn gia đình nên anh và em gái là Lê Khánh L về ở nhờ nhà bà Nguyễn Thị Q và nhà ông Sa Đình C; địa chỉ tại Khu 8, xã S, tỉnh Phú Thọ tuy nhiên cả anh và chị K đều không đăng ký tạm trú ở nhà bà Q và ông C, chỉ có mẹ anh là bà Nguyễn Thị V là có đăng ký hộ khẩu tại nhà ông Sa Đình C.

Bà nội anh là bà Phùng Thị S, sinh năm 1937 (chết ngày 28 tháng 11 năm 2008). Bà nội anh không có chồng, anh và các thành viên trong gia đình đều không biết ông nội anh là ai. Bà S không bao giờ nói cho các bá anh, bố anh và anh em anh biết ông nội anh là ai. Khi còn sống không thấy bà nội đi lại với ai để nhận làm ông nội anh. Thời điểm bà nội anh chết cũng không có ai đến nhận là chồng hay con của bà nội anh. Chỉ biết trong giấy khai sinh của các bá anh tên người cha là ông Lê Văn

K (đã chết), nhưng toàn bộ các thành viên trong gia đình anh đều không có ai đi lại với ông K và ông K cũng chưa bao giờ đến gặp nhận con cháu. Thực tế anh không hề biết ông Lê Văn K là ai, sống ở đâu. Lúc còn sống bà Phùng Thị S sinh được 05 người con là Bà Lê Thị L, sinh năm 1957; bà Lê Thị T, sinh năm 1966; bà Lê Thị X, sinh năm 1963; bà Lê Thị M, sinh năm 1969; bố anh là ông Lê Văn P, sinh năm 1976 (chết năm 2016). Bà Phùng Thị S không có con riêng, con nuôi. Năm 2008 bà S chết không để lại di chúc. Nguồn gốc thửa đất số 93^a, tờ bản đồ số 23, diện tích 89 m², đo đạc diện tích thực tế là 93,6 m² địa chỉ tại thôn T, xã V, tỉnh Phú Thọ là do bà nội anh mua năm 1995. Sau đó bà S đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 490261 ngày 26/02/2004 đứng tên hộ bà Phùng Thị S. Đối với thửa đất này thì không ai có công sức đóng góp gì chỉ là tài sản của bà nội anh khi còn sống, hiện tại là di sản thừa kế của của các thừa kế.

Sau khi mua đất năm 1995, gia đình thuộc hộ nghèo nên được nhà nước hỗ trợ xây dựng 01 căn nhà cấp bốn 3 gian. Căn nhà được sử dụng đến khi bà S chết. Sau khi bà nội anh chết thì gia đình anh ở trên ngôi nhà này, sau khi bố anh chết, mẹ anh đi ở nhờ tại nhà bá ruột anh là nhà bà Nguyễn Thị Q và nhà ông Sa Đình C; địa chỉ: Khu 8, xã S, tỉnh Phú Thọ.

Đối với các bá ruột anh là bà L, bà X, bà M đều đã xây dựng gia đình và sinh sống ở nơi khác từ trước thời điểm bà S mua thửa đất trên. Năm 1996 bố anh kết hôn với mẹ anh là bà Nguyễn Thị V, sinh được 03 con là anh Lê Văn U, sinh năm 1997, em gái Lê Thị L, sinh năm 2002 (chết năm 2019, khi chị Lê Thị L chết vẫn chưa kết hôn và không có con) và em út Lê Khánh L, sinh năm 2008. Tất cả gia đình nhà anh và bà S cùng bà T sinh sống trên thửa đất trên. (bà T không lấy chồng nhưng có con là Lê Văn H, sinh năm 2001 hiện cũng đang ở trên thửa đất của bà nội anh).

Hiện tại bà T đã đập bỏ 3 gian nhà cấp 4 cũ và xây dựng ngôi nhà cấp 4 mới trên toàn bộ diện tích đất trên. Anh U thừa nhận tài sản trên đất là của bà T, anh không có ý K đề nghị gì về tài sản trên đất.

Việc bà T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế thì giữa anh và mẹ anh bà Nguyễn Thị V và em gái anh là chị Lê Khánh L cũng đã trao đổi và thống nhất nếu bà T sử dụng toàn bộ phần di sản thừa kế chuyển tiếp của bố anh cho mẹ anh và hai anh em anh thì bà T phải thanh toán cho anh, mẹ anh và em gái anh tổng số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) thì anh và mẹ anh cùng em gái anh sẽ thống nhất ký hồ sơ để bà T được toàn quyền sử dụng phần di sản thừa kế của bố anh để lại cho 03 mẹ con anh. Nếu bà T không đồng ý thanh toán cho ba mẹ con anh 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy

định của pháp luật. Tại phiên tòa anh Lê Văn U đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 93^a, tờ bản đồ 23 địa chỉ tại thôn T, xã V, tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật. Về án phí dân sự sơ thẩm anh U tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí bao gồm cả phần án phí của anh, cả phần án phí của bà Nguyễn Thị V và cả phần án phí của chị Lê Thị K.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất bà T đang đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế theo là của bà ngoại anh, bà Phùng Thị S (chết năm 2008) để lại. Anh sinh ra và lớn lên tại thửa đất này. Trên thửa đất trước đây có bà S, bà T và anh cùng gia đình ông P cùng sinh sống. Năm 2016 ông P chết, bà V đi lấy chồng sau đó thì anh U và chị K cũng đi làm việc ở các nơi, không còn sinh sống trên thửa đất này nữa. Anh không có đóng góp gì về việc tạo lập thửa đất. Hiện nay anh và mẹ anh là bà T là người trực tiếp quản lý và sử dụng thửa đất.

Năm 2023 bà T có gọi bà V và các con về để làm thủ tục phân chia di sản thừa kế cho các hàng thừa kế. Anh U có về và thống nhất nhận 50.000.000 đồng để ký giấy tờ sang tên cho anh tuy nhiên sau đó đã không thống nhất được với nhau. Nay bà T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của bà Phùng Thị S là thửa đất số 93a, tờ bản đồ 23 địa chỉ tại xã V, tỉnh Phú Thọ. Quan điểm của anh nhất trí với quan điểm của mẹ anh bà Lê Thị T và đề nghị Tòa án xem xét đến công sức quản lý di sản thừa kế của mẹ anh bà Lê Thị T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L có mặt tại phiên tòa trình bày: Bà Nhất trí với lời trình bày của bà T về yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 93^a, tờ bản đồ 23 địa chỉ tại thôn T, xã V, tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật. Cả phần của bà được hưởng các bà tự nguyện tặng cho bà Lê Thị Thu. Bà là người cao tuổi, đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị X, bà Lê Thị M vắng mặt tại phiên tòa trong quá trình xây dựng hồ sơ vụ án cùng có quan điểm trình bày: Nhất trí với lời trình bày của bà T về yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 93^a, tờ bản đồ 23 địa chỉ tại thôn T, xã V, tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật. Cả phần của các bà được hưởng các bà tự nguyện tặng cho bà Lê Thị Thu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị V và chị Lê Thị K không đến Tòa làm việc nên không ghi được quan điểm của bà V, chị K.

Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/10/2025 nhận thấy trên toàn bộ diện tích 93 m² bà Lê Thị T đã xây dựng tường bao quanh lợp mái tôn lạnh, bà T có ý K toàn bộ công trình trên đất là bà sửa chữa và làm mới từ năm 2021 toàn bộ việc xây dựng mới hết 280.000.000 đồng. Thửa đất được xác định bởi các

mốc giới 1,2,3,4,5,6,7,8,1 có diện tích 93,6 m² các hướng tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp hộ ông Kim Văn Che; Phía Nam giáp Diêm làng; Phía đông giáp hộ ông Kim Văn Sang; Phía Tây giáp đường ngõ (Có sơ đồ chi tiết kèm theo). Ý K của anh Lê Văn U: Anh thừa nhận toàn bộ các tài sản xây dựng trên đất là của bà T, anh U không có ý K đề nghị gì. Anh U chỉ yêu cầu chia thừa kế giá trị kỹ phần thừa kế là đất. Thừa đất không có tranh chấp với các hộ xung quanh. Biên bản định giá tài sản ngày 24/10/2025 xác định Đất thổ cư có giá 3.000.000đ/m². Giá trị Nhà (tường, sân, móng, nền, tường, mái) giá 1.500.000đ/m².

Ý K của đại diện Viện kiểm sát nhân dân **Khu vực 10 – Phú Thọ** tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 609, 611, 612, 616, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự, Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của **cụ S** để lại là thừa đất số 93a, tờ bản đồ số 23 diện tích 93,6 m² tại thôn T, xã V, tỉnh Phú Thọ.

Về tính công sức: Cụ S chết năm 2008, sau khi cụ S chết thì bà T quản lý toàn bộ di sản của cụ S để lại. Do vậy cần trích 3,6 m² để thanh toán công sức duy trì, quản lý di sản cho bà T.

Chia cho bà T được sử dụng toàn bộ thừa đất số 93a, tờ bản đồ số 23 diện tích 93,6 m² tại thôn T, xã V, tỉnh Phú Thọ.

Buộc bà T phải thanh toán cho anh U, bà V và chị K tổng số tiền 54.000.000đ (mỗi người được 18.000.000đ).

Về chi phí tố tụng: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Về án phí: Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và án phí giá ngạch tương ứng với phần di sản được hưởng. Bà Lê Thị L và Lê Thị X là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà L, bà X. Anh Lê Văn U tự nguyện xin chịu án phí dân sự sơ thẩm kỹ phần thừa kế của bà V, chị K. Do vậy buộc anh U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm kỹ phần thừa kế của cả anh U, bà V và chị K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

[1.1] Bà Lê Thị T khởi kiện anh Lê Văn U yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Phùng Thị S, di sản và nơi cư trú của bị đơn tại thôn T, xã V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân **Khu vực 10 – Phú Thọ** theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp về thừa kế tài sản.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V, chị Lê Thị K trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa qua anh Lê Văn U hiện ở cùng nhà với bà V, chị K tuy nhiên bà V và chị K không đến Tòa án làm việc. Tại phiên tòa bà V chị K vẫn vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị X, Lê Thị M trong quá trình giải quyết vụ án đã có lời khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị V, chị Lê Thị K, bà Lê Thị X, bà Lê Thị M là phù hợp.

[1.3] Theo trình bày của các đương sự và xác minh tại địa phương xác định, cụ S không có chồng nhưng có quan hệ với cụ Lê Văn K và sinh được các con chung là Lê Thị L, Lê Thị X, Lê Thị T và Lê Thị M (đều có giấy khai sinh chứng minh mối quan hệ) Tuy nhiên giữa cụ K và cụ S chưa có thời điểm nào sinh sống cùng nhau, cụ K không có đóng góp gì trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các bà Lê Thị L, Lê Thị X, Lê Thị T và Lê Thị M và ông Lê Văn P. Thời điểm cụ S tạo lập thừa đất trên cụ K không sinh sống cùng cụ S do vậy cũng không có tồn tại hôn nhân thực tế và theo quy định Điều 15 Luật Hôn nhân gia đình năm 1959 nên cụ Lê Văn K không phải là hàng thừa kế của cụ Phùng Thị S.

[2] Về xác định hàng thừa kế: Cụ S không có chồng nhưng có quan hệ với cụ Lê Văn K và sinh được các con chung là Lê Thị L, Lê Thị X, Lê Thị T và Lê Thị M (đều có giấy khai sinh chứng minh mối quan hệ). Riêng đối với ông Lê Văn P hiện không có giấy tờ gì chứng minh mối quan hệ với cụ K. Tuy nhiên, quá trình giải quyết các đương sự đều thừa nhận ông P là con của cụ S. Vì vậy, có cơ sở để xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ S gồm 05 người là bà Lê Thị L, bà Lê Thị X, bà Lê Thị T, bà Lê Thị M và ông Lê Văn P.

[3] Về tính công sức: Cụ S chết năm 2008, sau khi cụ S chết thì bà T quản lý toàn bộ di sản của cụ S để lại. Do đó cần trích 3,6 m² để thanh toán công sức duy trì, quản lý di sản cho bà T là phù hợp.

[4] Về chia di sản: Di sản của cụ S để lại là thừa đất số 93a, tờ bản đồ số 23 diện tích 93,6 m² tại thôn T, xã V, tỉnh Phú Thọ sau khi trích công sức cho bà Lê Thị T 3,6 m², còn lại 90 m² được chia đều cho 05 người thuộc hàng thừa kế thứ

nhất gồm là bà Lê Thị L, bà Lê Thị X, bà Lê Thị T, bà Lê Thị M và ông Lê Văn P mỗi người được 18 m².

Ông Lê Văn P chết năm 2016 nên vợ và các con ông P gồm anh U, bà V và chị K được hưởng phần kỷ phần của ông P để lại.

Bà Lê Thị L, bà Lê Thị X và bà Lê Thị M tự nguyện tặng cho kỷ phần của các bà được hưởng cho bà T nên giao cho bà T sử dụng toàn bộ phần diện tích đất mà các bà L, Xuân, Thêm được chia. Căn cứ vào diện tích đất của các đồng thừa kế được chia nhận thấy không thể chia cho các đồng thừa kế đều được hưởng bằng hiện vật. Vì vậy, giao cho bà T sử dụng toàn bộ thửa đất số 93a, tờ bản đồ số 23 được xác định bởi các mốc giới 1,2,3,4,5,6,7,8,1 có diện tích 93,6 m² tại thôn T, xã V, tỉnh Phú Thọ (Có sơ đồ chi tiết kèm theo). Buộc bà T phải thanh toán giá trị kỷ phần cho anh U, bà V và chị K tổng số tiền 54.000.000đ (mỗi người được 18.000.000đ).

Bà T được sử dụng toàn bộ thửa đất, trên đất có các tài sản, vật K trúc như sau: Nhà chính cấp 4, mái tôn 2 lớp ống thép mạ kẽm có diện tích 49,6 m²; Nhà bếp cấp 4, mái tôn 2 lớp ống thép mạ kẽm có diện tích 17,5 m²; Công trình vệ sinh có diện tích 10,1 m²; Mái tôn trước nhà có diện tích 14,3 m². Kỷ phần thừa kế của bà T được hưởng là $(3,6 \text{ m}^2 \times 3.000.000\text{đ}) + (54.000.000\text{đ} \times 4) = 226.800.000 \text{ đồng}$.

[5] Về chi phí tố tụng: Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nguyên đơn đã tạm ứng 8.000.000 đồng. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 4.900.000 đồng. Đã trả lại cho nguyên đơn 3.100.000 đồng. Tại phiên tòa bà T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, định giá và chi phí thuê công ty đo đạc không yêu cầu các thừa kế khác phải chịu.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị L và Lê Thị X là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà L và bà X. Bà T phải chịu án phí kỷ phần thừa kế của bà và kỷ phần thừa kế của bà M là $226.800.000\text{đ} - 108.000.000\text{đ} = 118.800.000\text{đ} \times 5\% = 5.940.000\text{đ}$. Bà T đã nộp số tiền tạm ứng án phí $10.900.000\text{đ} - 5.940.000\text{đ} = 4.960.000 \text{ đồng}$. Hoàn trả bà T số tiền 4.960.000 đồng. Anh U, bà V và chị K phải chịu án phí $54.000.000\text{đ} \times 5\% = 2.700.000 \text{ đồng}$ (Kỷ phần án phí của mỗi người là 900.000 đồng. Anh U tự nguyện chịu toàn bộ kỷ phần án phí dân sự sơ thẩm của bà V, chị K do vậy anh U phải chịu 2.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm).

[7] Xét ý K của kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 184, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 609, 611, 612, 616, 618, 623, 649, 650, 651, 660, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T. Xác định di sản thừa kế của cụ Phùng Thị S là thửa đất số 93a, tờ bản đồ số 23 diện tích 93,6 m² tại thôn T, xã V, tỉnh Phú Thọ.

2. Chia cho bà T được sử dụng toàn bộ thửa đất số 93a, tờ bản đồ số 23 diện tích 93,6 m² tại thôn T, xã V, tỉnh Phú Thọ. Được xác định bởi các mốc giới 1,2,3,4,5,6,7,8,1 trên đất có một số tài sản vật K trúc (Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Buộc bà T phải thanh toán cho anh U, bà V và chị K tổng số tiền 54.000.000đ (mỗi người được hưởng 18.000.000đ).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận bà Lê Thị T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. (Bà T đã nộp đủ số tiền 4.900.000 đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho Bà Lê Thị L, bà Lê Thị X.

Bà Lê Thị T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 5.940.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.900.000đ theo biên lai thu tiền số: 0005344 ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Phú Thọ) hoàn trả bà T số tiền 4.960.000 đồng. Anh Lê Văn U phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (gồm toàn bộ kỷ phần án phí dân sự sơ thẩm của anh U, bà V, chị K mỗi người 900.000 đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- **Phòng** THADS nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Duẩn